

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho phép đổi tên Hội Tin học tỉnh Bình Định thành
Hội Tin học tỉnh Gia Lai và phê duyệt Điều lệ Hội Tin học tỉnh Gia Lai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Công văn số 1911/BNV-TCPCP ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn một số nội dung liên quan đến tổ chức, hoạt động hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội Tin học tỉnh Bình Định và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 257/TTr-SNV ngày 27 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép đổi tên Hội Tin học tỉnh Bình Định thành Hội Tin học tỉnh Gia Lai và phê duyệt Điều lệ Hội Tin học tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Hội Tin học tỉnh Gia Lai có trách nhiệm thông báo việc đổi tên hội đến các cơ quan, tổ chức liên quan và toàn thể hội viên; tổ chức và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ hội được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật tỉnh Gia Lai; Chủ tịch Hội Tin học tỉnh Gia Lai và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, C8.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thanh Lịch

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐIỀU LỆ
HỘI TIN HỌC TỈNH GIA LAI**
(*Phê duyệt kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh*)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Tên gọi

1. Tên tiếng Việt: Hội Tin học tỉnh Gia Lai.
2. Tên tiếng Anh: Gia Lai Information Technology Association (tên viết tắt: GIALAI-ITA)

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Tin học tỉnh Gia Lai (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội nghề nghiệp, được thành lập trên cơ sở tự nguyện của những cá nhân và tổ chức hoạt động trong lĩnh vực tin học trên địa bàn tỉnh Gia Lai, nhằm tăng cường đoàn kết, hợp tác trao đổi thông tin, kinh nghiệm, phổ biến kiến thức, phát triển và xây dựng ngành công nghệ thông tin (CNTT), truyền thông, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điều 3. Tư cách pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của mình. Hội hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
2. Trụ sở của Hội đặt tại 38 Trường Chinh, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh Gia Lai, về lĩnh vực tin học. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh, sự quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ban, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 6. Nhiệm vụ

1. Chấp hành quy định của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội.

3. Không công nhận, vinh danh, suy tôn, phong tặng các danh hiệu trái quy định của pháp luật.

4. Hội hoạt động thuộc lĩnh vực nào phải chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực đó và các cơ quan có liên quan trong quá trình tổ chức và hoạt động theo quy định.

5. Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực Hội hoạt động, điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

6. Đề xuất sửa đổi, bổ sung điều lệ; xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định của Hội để làm cơ sở cho Hội tổ chức, hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Hội.

7. Tuân thủ các quy định và sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí được Nhà nước hỗ trợ (nếu có) theo quy định của pháp luật.

8. Báo cáo hồ sơ tổ chức đại hội theo quy định.

9. Sau khi bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra, thay đổi trụ sở, sửa đổi, bổ sung điều lệ, Hội phải báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà Hội hoạt động.

10. Báo cáo việc thành lập các tổ chức thuộc Hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà Hội hoạt động tương ứng với phạm vi hoạt động của Hội và chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện tổ chức, hoạt động của các tổ chức này theo quy định của pháp luật và điều lệ Hội.

11. Hàng năm, Hội phải báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính Hội hoạt động.

12. Báo cáo kết quả giải quyết tranh chấp, đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

13. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật và điều lệ Hội.

14. Lập và lưu giữ tại trụ sở Hội tài liệu tổ chức thuộc Hội, sổ sách, biên bản các cuộc họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra Hội.

15. Ban hành các quy chế về hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra hội; quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội; khen thưởng, kỷ luật; quản lý hội viên; giải quyết khiếu nại, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hội; quản lý và sử dụng con dấu của Hội và các quy định khác phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Hội.

16. Chỉ đạo, quản lý chặt chẽ hoạt động của các tổ chức trực thuộc Hội.

17. Cập nhật tình hình tổ chức, hoạt động của Hội vào cơ sở dữ liệu về hội và phối hợp xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về hội.

Điều 7. Quyền hạn

1. Tổ chức, hoạt động theo điều lệ Hội đã được phê duyệt.

2. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội. Được cung cấp thông tin, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Hội.

4. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện nhiệm vụ của Hội trong nhiệm kỳ.

6. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

7. Thành lập và quản lý chặt chẽ tổ chức thuộc Hội theo quy định của pháp luật và điều lệ Hội phù hợp với tôn chỉ, mục đích và lĩnh vực hoạt động của Hội.

8. Tham gia ý kiến trong xây dựng cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lĩnh vực hoạt động của Hội. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động.

9. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về công nghệ thông tin cho hội viên, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

10. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

11. Được tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài trợ hợp pháp của các

tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật gắn với tôn chỉ, mục đích hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của Hội. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao (nếu có).

12. Khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật và điều lệ Hội.

13. Hòa giải tranh chấp, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hội.

14. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động dịch vụ sản xuất, kinh doanh, thương mại và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật. Hỗ trợ tiếp cận công nghệ thông tin cho thanh thiếu nhi, đặc biệt là thanh thiếu nhi ở vùng sâu, vùng xa.

15. Làm đầu mối tiếp xúc, trao đổi, liên kết với các Hội Tin học ở các tỉnh, thành phố trong cả nước. Tham quan học tập trao đổi kinh nghiệm, xây dựng các kế hoạch hợp tác về công nghệ thông tin, truyền thông trong khuôn khổ xã hội hóa phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức và hội viên danh dự

1. Hội viên chính thức:

a) Hội viên tổ chức: Là những tổ chức Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, truyền thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai, có tư cách pháp nhân, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện và nhiệt tình tham gia công tác Hội, có đơn xin gia nhập Hội thì được xem xét kết nạp làm Hội viên tổ chức của Hội. Đại diện cho Hội viên tổ chức là người đại diện trước pháp luật của tổ chức hay người được ủy quyền hợp pháp của tổ chức đó.

b) Hội viên cá nhân: Là công dân Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, truyền thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện và nhiệt tình ủng hộ, tham gia công tác Hội, có đơn xin gia nhập Hội thì được xét kết nạp làm hội viên cá nhân của Hội.

2. Hội viên danh dự: Là công dân, tổ chức Việt Nam có đóng góp vào việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, truyền thông tại Gia Lai và đóng góp cho sự phát triển của Hội thì có thể được Ban Chấp hành Hội xem xét và kết nạp làm Hội viên danh dự của Hội.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được tham gia các hoạt động của Hội, thảo luận và biểu quyết các công việc của Hội.

2. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

3. Được hưởng mọi quyền lợi do Hội quy định, được Hội bảo vệ quyền và

lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

4. Được cấp thẻ Hội viên và sử dụng thẻ này khi tham gia các sinh hoạt và hoạt động của Hội.

5. Được Hội giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi để phát triển chuyên môn; được ưu tiên tham gia các đề án và chương trình phát triển công nghệ thông tin, truyền thông do Hội chủ trì thực hiện.

6. Được giới thiệu hội viên mới.

7. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

8. Hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tích cực học tập để không ngừng nâng cao trình độ nghiệp vụ, tham gia nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông vào thực tiễn sản xuất và đời sống, phổ biến kiến thức tin học trong nhân dân.

3. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

4. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

5. Đóng hội phí đầy đủ theo quy định của Ban Chấp hành Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra hội

1. Tổ chức, cá nhân muốn vào Hội phải có đơn tự nguyện tham gia Hội. Ban Chấp hành Hội sẽ xem xét quyết định kết nạp và cấp thẻ hội viên.

2. Hội viên muốn ra khỏi Hội phải có đơn xin ra khỏi Hội. Việc xem xét quyết định cho hội viên ra khỏi Hội do Ban Chấp hành quyết định.

Chương IV TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.

2. Ban Chấp hành.

3. Ban Thường vụ.

4. Ban Kiểm tra.

5. Văn phòng, các ban chuyên môn.

6. Các Chi hội và tổ chức thuộc Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường, Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 năm một lần. Trong trường hợp cần thiết, Ban Chấp hành Hội có thể triệu tập Đại hội bất thường khi có ít nhất $\frac{2}{3}$ (hai phần ba) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành Hội hoặc ít nhất $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số hội viên chính thức của Hội đề nghị.

Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu chỉ được tổ chức khi có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) số đại biểu chính thức được triệu tập có mặt.

2. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Báo cáo số lượng đại biểu tham dự đại hội và báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu tham dự đại hội.

b) Thông qua chương trình đại hội, quy chế đại hội, quy chế bầu cử.

c) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng nhiệm vụ của Hội trong nhiệm kỳ mới; báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra, báo cáo tài chính của Hội.

d) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ sửa đổi, bổ sung; đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có).

đ) Thông qua đề án nhân sự đại hội; biểu quyết số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra cho cả nhiệm kỳ của hội; đề cử, ứng cử vào danh sách Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội.

e) Bầu Ban chấp Hành Hội và Ban Kiểm tra Hội.

g) Thông qua Nghị quyết Đại hội.

3. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định.

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá $\frac{1}{2}$ (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai kỳ Đại hội, do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, sức khỏe, độ tuổi ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành trùng với nhiệm kỳ của Đại hội.

2. Nhiệm vụ của Ban Chấp hành:

a) Thực hiện các Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội và lãnh đạo toàn bộ công tác của Hội giữa 2 kỳ Đại hội.

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội.

c) Quyết định các chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm của Hội; quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội; ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; Quy chế quản lý hội viên; Quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội, các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đã được Đại hội quyết định. Tổng số thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra (kể cả ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra được bổ sung) không vượt quá số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đã được Đại hội biểu quyết thông qua.

Trong thời gian giữa 2 kỳ Đại hội, việc miễn nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành quyết định với ít nhất 2/3 (hai phần ba) ý kiến biểu quyết tán thành. Việc bầu thay thế, bầu bổ sung Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban kiểm tra do Ban Chấp hành bầu với ít nhất 2/3 (hai phần ba) ý kiến biểu quyết tán thành.

đ) Ban Chấp hành Hội quy định số lượng, nhiệm vụ các Ban chuyên môn và quyết định thành lập các Ban chuyên môn.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

b) Ban Chấp hành Hội họp 06 tháng 01 lần. Trường hợp cần thiết Ban Chấp hành họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc của trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Chấp hành.

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định.

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến Ban Chấp hành bằng văn bản.

4. Văn phòng Hội là bộ phận chuyên trách giúp việc của Ban Chấp hành Hội. Nhân viên Văn phòng được hưởng phụ cấp do Ban Chấp hành quy định.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành. Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ Tịch, các Phó Chủ Tịch, Tổng thư ký và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành.

b) Chuẩn bị nội dung, quyết định triệu tập các kỳ họp Ban Chấp hành.

c) Quyết định thành lập các tổ chức thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

b) Ban Thường vụ họp thường kỳ 03 tháng một lần để thảo luận biện pháp triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội.

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 số ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định.

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ thông qua việc lấy ý kiến Ban Thường vụ bằng văn bản.

Điều 16. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra do Đại hội bầu gồm Trưởng Ban và một số ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức thuộc Hội, hội viên.

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân liên quan tới tổ chức Hội, hội viên, các tổ chức thuộc Hội đã được quy định trong Quy chế giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại tố cáo

của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Tổng hợp, đề nghị Ban Thường vụ, Ban Chấp hành xem xét, giải quyết đơn phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành. Trường hợp không giải quyết được thì giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội, Tổng thư ký

1. Chủ tịch Hội

a) Chủ tịch Hội là đại diện của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

b) Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội.

- Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ.

- Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội; ký quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm nhân sự trực thuộc Hội khi có Nghị quyết của Ban Chấp hành.

- Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch.

2. Phó Chủ tịch Hội

a) Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

b) Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền.

c) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

d) Phối hợp với Tổng thư ký chỉ đạo Văn phòng Hội thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực chuyên trách.

3. Tổng thư ký

a) Tổng thư ký do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ. Tiêu chuẩn Tổng thư ký do Ban Chấp hành quy định.

b) Tổng thư ký tham mưu, giúp Chủ tịch Hội tổ chức điều hành các hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền.

Điều 18. Chi hội

1. Ở các cơ quan, đơn vị, tổ chức có thể tổ chức các Chi Hội thuộc Hội Tin học với số lượng tối thiểu 10 hội viên để thuận tiện cho việc sinh hoạt. Việc thành lập các Chi hội Tin học do Ban Chấp hành quyết định.

2. Các Chi Hội hoạt động theo Điều lệ Hội và các quy định của pháp luật liên quan.

Chương V

ĐỔI TÊN, CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT VÀ GIẢI THỂ HỘI

Điều 19. Đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hội

Việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Ban Chấp hành Hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 20. Thu hồi con dấu của Hội

Việc thu hồi con dấu đối với Hội đổi tên, Hội bị chia, sáp nhập, hợp nhất, bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 21. Tài chính của Hội

1. Nguồn thu của Hội gồm có:

- a) Hội phí hàng năm của hội viên.
- b) Kinh phí thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ do ngân sách nhà nước cấp (nếu có).
- c) Thu từ hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật (nếu có).
- d) Tiền và hiện vật ủng hộ của các tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật.
- đ) Các khoản thu hợp pháp khác.

2. Các khoản chi của Hội:

- a) Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội.
- b) Chi mua sắm phương tiện làm việc của Hội.

c) Chi phụ cấp đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật.

d) Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

Điều 22. Tài sản của Hội

1. Tài sản của Hội gồm tài sản được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; tài sản do các tổ chức, cá nhân hỗ trợ theo quy định của pháp luật. Toàn bộ tài sản phải được thể hiện đầy đủ trong sổ sách kế toán của Hội.

2. Việc quản lý, sử dụng tài sản của Hội thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật về tài sản, tài chính, kế toán và Điều lệ của Hội. Đối với tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Khi Hội chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể thì Hội kiểm kê, phân loại tài sản để xác định việc xử lý tài sản:

a) Đối với tài sản của Hội là tài sản công thì việc quản lý, sử dụng, xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản công.

b) Đối với tài sản của Hội được hình thành từ nguồn tự có của Hội thì việc quản lý, sử dụng và xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của Hội.

Điều 23. Quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật về hội và pháp luật có liên quan.

3. Ban Chấp hành ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Chương VII KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 24. Khen thưởng

1. Chi Hội hoặc hội viên có nhiều thành tích trong công tác hoặc trong hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật sẽ được Hội trực tiếp khen thưởng và đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 25. Kỷ luật

1. Chi Hội hoặc hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo, khai trừ.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội được Đại hội thông qua khi có trên 1/2 tổng số đại biểu chính thức tán thành.

2. Điều lệ phải được Hội hoàn thiện đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội phê duyệt.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Tin học tỉnh Gia Lai gồm 08 Chương, 27 Điều được Ban Chấp hành Hội thông qua ngày 20 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Căn cứ các quy định của pháp luật về Hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Tin học tỉnh Gia Lai có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.